

Bản án số: 166/2017/HSST
Ngày 14/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Kim Dung**

Các hội thẩm nhân dân:

Bà **Bàng Thị Hồng** và ông **Nguyễn Hồng Quảng**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Hương Huệ** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả:

Ông **Mai Văn Toàn**- Chức danh: Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2017 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 161/2017/HSST ngày 05 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Ngọc D** - Tên gọi khác: không;

Sinh ngày 01/7/1989, tại Cẩm Phả, Quảng Ninh;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ A, khu B, phường C, thành phố D, tỉnh Quảng Ninh;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: Lớp 4/12; Nghề nghiệp: Không;

Họ tên bố: Trần Ngọc Đ; Sinh năm: 1955;

Họ tên mẹ: Lù Thị Th; Sinh năm 1957;

Cùng trú tại: Tổ A, khu B, phường C, thành phố D, tỉnh Quảng Ninh;

Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba;

Vợ: Vũ Thị Th; Sinh năm: 1992 (đã ly hôn).

Bị cáo có 01 con (sinh năm 2011)

Tiền án: Ngày 17/7/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố D xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 16/3/2017, chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 24/8/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố D xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 29/02/2013, chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 12/7/2017, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh - có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:** Anh Trương Tuấn A, sinh năm 1990

Nơi ĐKKHKT: Tổ Đ, khu M, phường C, thành phố D, vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Vũ Văn N, sinh năm 1994

Nơi ĐKKHKT: Tổ I, khu K, phường B, thành phố D, vắng mặt tại phiên tòa.

-Anh Nguyễn Văn Th , sinh năm 1985

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 36, tổ K, khu H, phường G, thành phố D, vắng mặt tại phiên tòa.

-Anh Nguyễn Văn B , sinh năm 1987

Nơi ĐKKHKT: Tổ H, khu P, phường L, thành phố D.

Chỗ ở: N, khu K, phường G, thành phố D, vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trần Ngọc D bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố D truy tố về hành vi phạm tội như sau: Trần Ngọc D và anh Trương Tuấn A (trú tại: Tổ Đ, khu M, phường C, thành phố D) là bạn của nhau. Ngày 07/7/2017, anh Tuấn A vay của anh Vũ Văn T (trú tại tổ V, khu F, phường C) số tiền 15.500.000 đồng để trả tiền chơi điện tử và chuộc lại một số tài sản đã cầm cố. Sau đó, Tuấn A vay được của bạn 5.000.000 đồng để trả anh T, nhưng do chưa đủ tiền, nên Tuấn A cho D vay lại số tiền trên và nhờ D tìm hộ chỗ cho vay tiền để Tuấn A vay trả lại cho anh T, D đồng ý. Khoảng 08 giờ ngày 08/7/2017, anh Tuấn A gọi điện cho D hỏi việc vay tiền, thì D hẹn gặp anh ở cổng trường THPT Hùng Vương, thuộc phường C, thành phố D. Anh Tuấn A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát (BKS)14U1-179.95 đến gặp D, rồi D đưa anh Tuấn A đến nhà anh Nguyễn Đức H ở phường C. Lúc này, D nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh Tuấn A để cầm cố lấy tiền chơi điện tử. D liền hỏi mượn xe mô tô của anh Tuấn A, nói dối để đi lấy tiền. Anh Tuấn A tưởng thật nên đã giao xe cho D. Sau khi mượn được xe, D rủ Phạm Ngọc Q (là bạn D đang chơi ở nhà anh H) đi cùng đến quán bắn cá của anh Trương Quang Đ, ở tổ 84, khu 7A, phường C, chơi bắn cá. Trong quá trình chơi, D gọi điện cho anh Nguyễn Văn Th (trú tại tổ K, khu H, phường G, thành phố D) đến cầm cố chiếc xe mô tô BKS 14U1-179.95 lấy 4.200.000 đồng. Sau khi nhận tiền, D cùng Q tiếp tục chơi bắn cá và thua hết số tiền trên. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, D và Q quay lại nhà anh H. D nói dối anh Tuấn A đã vay được 10.700.000 đồng trả cho anh T, còn xe thì đưa cho đàn em của D đi phường Mông Dương để lấy thêm tiền trả cho anh T. Khoảng 15 giờ cùng ngày, anh Vũ Văn T gọi điện cho anh Tuấn A để đòi tiền nợ, thì anh Tuấn A nói đang chờ vay tiền. Sau đó, D nói với anh Tuấn A nếu không trả đủ số tiền nợ sẽ bị anh T đánh và bảo anh Tuấn A đi thuê nhà nghỉ để trốn. Do lo sợ bị anh T đánh,

nên anh Tuấn A đồng ý cùng với D thuê xe ôm đi đến nhà nghỉ TD ở Tổ Z, khu P, phường L, thành phố D. Tại đây, D nảy sinh ý định chiếm đoạt sợi dây chuyền vàng và chiếc điện thoại Iphone 6 của anh Tuấn A. D bảo anh Tuấn A đưa dây chuyền và điện thoại, nói dối để đi cầm cố lấy tiền trả cho anh T. Anh Tuấn A tưởng thật, nên đồng ý đưa dây chuyền và điện thoại cho D. Sau khi lấy được tài sản, D thuê xe ôm mang sợi dây chuyền đến hiệu cầm đồ KT của anh Vũ Văn N (Tổ I, khu K, phường B, thành phố D) cầm cố lấy số tiền 5.000.000 đồng và mang chiếc điện thoại Iphone 6 đến cửa hàng sửa chữa điện thoại HL Mobile của anh Nguyễn Văn B ở tổ H, khu P, phường L, thành phố D bán được 3.500.000 đồng. Sau đó, D quay lại nhà nghỉ TD nói với anh Tuấn A đã trả xong tiền cho anh T và đưa anh Tuấn A số tiền 250.000 đồng để trả tiền nhà nghỉ, rồi D bỏ đi. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, anh T liên lạc với anh Tuấn A đòi tiền. Lúc này, anh Tuấn A biết bị D lừa chiếm đoạt tài sản, nên đã đến cơ quan Công an trình báo.

Ngày 11 và 14/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ chiếc xe mô tô BKS 14U1-179.95 mà D cầm cố cho anh Th, thu giữ chiếc dây chuyền vàng D cầm cố tại quán cầm đồ của anh N. Riêng chiếc điện thoại di động Iphone 6 do anh B khai đã bán cho người không rõ địa chỉ, nên không thu hồi được

Tại bản kết luận định giá tài sản số 109 ngày 06/9/2017 và số 112 ngày 08/9/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố D, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 14U1-179.95 trị giá 12.000.000 đồng; Chiếc dây chuyền vàng trọng lượng 11,79gram trị giá 5.495.000 đồng; Chiếc điện thoại Iphone 6 dung lượng 16G trị giá 3.500.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã trả lại chiếc xe và sợi dây chuyền vàng cho anh Trương Tuấn A

Quá trình điều tra, Trần Ngọc D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Ngoài ra, D khai khi cầm cố xe mô tô cho anh Th, cầm cố chiếc dây chuyền cho anh N và bán chiếc điện thoại cho anh B, D đều nói dối đó là tài sản của mình. Riêng Phạm Ngọc Q đi cùng D thì biết D cầm cố xe mô tô của anh Tuấn A và cùng D sử dụng tiền cầm cố xe chơi bắn cá. Số tiền cầm cố dây chuyền vàng và bán điện thoại, D đã sử dụng để mua lô đề và chơi điện tử bắn cá hết.

Tại bản cáo trạng số 168/KSĐT-HS ngày 05/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố D truy tố Trần Ngọc D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị: Áp dụng khoản 1 điều 139; điểm p khoản 1, điều 46; điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo từ 24 tháng đến 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 12/7/2017; không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc D thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa bị cáo Trần Ngọc D khai báo có nội dung: Do quen biết Trương Tuấn A và Vũ Văn T (m). Khoảng 06 giờ ngày 07/7/2017, bị cáo đến quán của anh T(m) ở khu N phường C thành phố D, thì bị cáo được biết anh Trương Tuấn A mượn tiền của T với số tiền là 15.500.000 đồng. T đồng ý cho Tuấn A mượn tiền và có hẹn là đến khoảng 20 giờ cùng ngày sẽ phải trả cho T. Sau đó trong ngày 07/7/2017, Tuấn A không trả được tiền cho T. Đến khoảng 08 giờ ngày 08/7/2017, Tuấn A gọi điện cho bị cáo hỏi xem có chỗ nào có thể vay được tiền, thì bị cáo nói là cứ đến đây hai anh em cùng đi xem, rồi bị cáo hẹn Tuấn A đến khu vực trường Hùng Vương. Sau đó Tuấn A đến gặp bị cáo, bị cáo gọi Tuấn A vào nhà anh H (là bạn xã hội của bị cáo). Sau đó bị cáo cùng, Tuấn Anh, anh H và Q (S) cùng chơi ma túy đá, Tuấn A có hỏi bị cáo về việc kiếm chỗ để vay tiền. Bị cáo nói là để bị cáo trực tiếp đi hỏi, bị cáo mượn xe của Tuấn A cùng Q đi xe máy của Tuấn A đến Cao Sơn hỏi nhưng không được, bị cáo và Q đi đến quán bắn cá điện tử của anh Đ (khu 7 phường C). Bị cáo và Q chơi bắn cá hết 280.000 đồng tiền của Q sau đó bị cáo đã cầm cố chiếc xe mô tô của Tuấn A với nhân viên quản lý điểm của quán bắn cá điện tử của anh Đ người này chỉ đồng ý cầm xe mô tô với giá là 3.600.000 đồng. Bị cáo đã đồng ý cầm xe và đã chơi bắn cá thua hết số tiền trên. Sau đó bị cáo gọi điện cho anh Th ở phường G nhờ anh Th đến quán anh Đ cầm xe mô tô của Tuấn A. Anh Th vào trả tiền cho người quản lý quán bắn cá của anh Đ 3.600.000 đồng. Bị cáo bảo anh Th cho lấy thêm 600.000 đồng nữa. Tổng số tiền là 4.200.000 đồng sau đó bị cáo bảo anh Th mang xe về nhà quản lý hộ cho bị cáo rồi hẹn mấy hôm sau sẽ đến lấy lại xe và trả anh Th 4.200.000 đồng. Số tiền bị cáo vay của anh Th bị cáo và Q chơi bắn cá nhưng bị thua hết. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày bị cáo và Q quay lại nhà anh H thì Tuấn A vẫn đang chờ ở đó. Tuấn A có hỏi bị cáo về việc vay tiền và xe mô tô thì bị cáo nói là đưa xe máy cho thằng đàn em đi vào trong Mông Dương để lấy tiền và vay được 10.700.000 đồng trả cho anh T nhưng không gặp T mà đưa tiền cho T là người quản lý cho T, đến khoảng 15 giờ thì T gọi điện cho bị cáo và bảo đưa Tuấn A về gặp T, bị cáo nói với Tuấn A là T đang đi tìm bây giờ phải tránh đi. Bị cáo và Tuấn A gọi xe ôm đi từ đèn xanh đỏ phường C đến nhà nghỉ TD phường G, khi đến ngoài đường trước cửa nhà nghỉ bị cáo nói với Tuấn A là thằng T tìm để đánh nên xem có đồ gì mang đi cầm cố. Tuấn A nghe thế thì đưa cho bị cáo 01 điện thoại Iphone 6 và tháo dây chuyền ở cổ đưa cho bị cáo. Bị cáo đi xe ôm đến hiệu cầm đồ sau khu vực cây xăng phường V (sau này mới biết là của anh Vũ Văn N) để cầm sợi dây chuyền với số tiền 5.000.000 đồng, bị cáo tiếp tục đi xe ôm đến khu vực đô thị Quảng H phường G thì trả tiền xe ôm hết 200.000 đồng và gọi taxi đi đến ngã tư Cao Sơn, phường G cầm điện thoại Iphone 6 với số tiền 3.500.000 đồng. Bị cáo quay lại nhà nghỉ TD gặp Tuấn A, Tuấn A có hỏi bị cáo tình hình trả tiền cho T thì

bị cáo nói là đã trả cho T đủ số tiền đã vay và đưa cho Tuấn A 250.000 đồng để Tuấn A trả tiền nhà nghỉ, sau đó bị cáo đến khu vực đường mới phường P chơi bắn cá hết số tiền vừa cầm cố tài sản của Tuấn A và tôi không về nhà đến ngày 12/7/2017 thì bị Công an bắt khẩn cấp. Bị cáo đồng ý bồi thường cho anh Th số tiền cầm cố xe 4.200.000 đồng, đồng ý bồi thường cho anh N số tiền cầm cố chiếc dây chuyền 5.000.000 đồng.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra truy tố; phù hợp với lời khai của người bị hại anh Trương Tuấn A về việc D lừa đảo anh 01 xe mô tô, 01 dây chuyền vàng, 01 điện thoại Iphone 6 nói là đi vay tiền và trả cho anh T(m) giúp anh. Anh Tuấn A đã được nhận lại chiếc xe mô tô và dây chuyền vàng còn chiếc điện thoại di động cơ quan điều tra không thu hồi được. Tại đơn xin xét xử vắng mặt người bị hại anh Tuấn A trình bày anh đã được nhận lại xe mô tô sợi dây chuyền còn chiếc điện thoại do không thu hồi được nên anh không yêu cầu Trần Ngọc D phải bồi thường anh số tiền trị giá chiếc điện thoại; phù hợp với lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn N về việc D đến hiệu cầm đồ của anh cầm sợi dây chuyền, anh yêu cầu bị cáo phải trả cho anh số tiền 5.000.000 đồng, phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Văn Th về việc Trần Ngọc D đã nhờ anh đến quán bắn cá của anh Đạo trả tiền xe mô tô mà Dũng đã cầm và Dũng lấy thêm anh 600.000 đồng rồi cầm hộ D chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 14U1-179.95 về nhà quản lý, tại phiên tòa anh Th yêu cầu bị cáo D phải bồi thường cho anh số tiền 4.200.000 đồng, ngoài ra còn phù hợp lời khai của anh Nguyễn Văn B về việc D đến cửa hàng mua bán sửa chữa điện thoại của anh bán cho anh chiếc điện thoại Iphone 6 và anh đã bán chiếc điện thoại đó cho người khác; phù hợp với lời khai của những người làm chứng ông Trần Quang Th, anh Phạm Thanh T, chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Nguyễn Đức H; phù hợp với bản kết luận giám định số 109/KL-HĐĐGTS ngày 06/9/2017 và số 112/KL-HĐĐGTS ngày 08/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố C.

Đánh giá các chứng cứ nêu trên, kết hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thấy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ và khoảng 15 giờ ngày 08/7/2017, tại tổ 93, khu 7B, phường C và tại tổ 7, khu K, phường G, thành phố D, Trần Ngọc D đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 14U1-179.95, 01 chiếc dây chuyền vàng trọng lượng 11,79gr và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 dung lượng 16G, tổng giá trị tài sản là 20.995.000 đồng của anh Trương Tuấn A.

Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Ngọc D đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 139 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố D truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật hình sự. Hành vi đó không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Chỉ trong một thời gian ngắn bị cáo đã lợi dụng mối quan bạn bè quen biết, dùng thủ đoạn tinh vi, tạo ra các tình huống khác nhau để anh Trương Tuấn A tin tưởng giao tài sản là xe máy, dây

chuyên, điện thoại di động để chiếm đoạt tài sản của anh Tuấn A mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu và đánh lô đề, chơi bắn cá điện tử.

Hành vi của bị cáo không chỉ vi phạm pháp luật mà còn vi phạm đạo đức. Do đó cần có hình phạt nghiêm khắc để răn đe, trừng trị và giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm chung.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã có một tiền án về tội trộm cắp nhưng chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội, trong thời gian ngắn bị cáo đã thực hiện hai lần lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của anh Trương Tuấn A vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần và tái phạm theo quy định chung tại điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng xem xét quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự thể hiện sự nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, chiếc điện thoại di động Iphone 6 không thu hồi được. Tại phiên tòa hôm nay người bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt thể hiện quan điểm không yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc điện thoại còn số tiền 5.000.000 đồng mà bị cáo đã vay anh Trương Tuấn A là quan hệ giao dịch dân sự khác không liên không liên quan đến hành vi lừa đảo của bị cáo trong vụ án này, anh và bị cáo tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết.

Đối với số tiền 4.200.000 đồng mà anh Th đã cầm cố chiếc xe cho D, chiếc xe mô tô đã bị thu hồi. Nay anh Th yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên, bị cáo chấp nhận yêu cầu của anh Th nên cần buộc bị cáo phải trả cho anh Th số tiền trên.

Anh Vũ Văn N yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 5.000.000 đồng do bị cáo cầm cố dây chuyền vàng đã bị cơ quan điều tra thu hồi. Bị cáo chấp nhận yêu cầu phần bồi thường của anh N nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh N số tiền trên.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng:

- Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe mô tô BKS 14U1-179.95; 01 chiếc dây chuyền vàng đã trả cho người bị hại nên không đề cập giải quyết.

Đối với: - Anh Nguyễn Văn Th là người cầm cố chiếc xe mô tô BKS 14U1-179.95, anh Vũ Văn N là người cầm cố chiếc dây chuyền vàng, anh Nguyễn Văn B là người mua chiếc điện thoại của Trần Ngọc D đều không biết các tài sản trên do phạm tội mà có, nên hành vi không cấu thành tội phạm.

- Phạm Ngọc Q là người đi cùng D cầm cố chiếc xe mô tô của anh Tuấn A , qua xác minh hiện Q vắng mặt tại gia đình và địa phương, nên chưa có cơ sở xác

định Q có liên quan đến hành vi phạm tội của D. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

- Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí của nghĩa vụ bồi thường dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 139; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điểm g (thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần và tái phạm), khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc D 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 12/7/2017.

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 41; khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 3.500.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có.

Buộc bị cáo Trần Ngọc D phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Th số tiền 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm nghìn đồng) và anh Vũ Văn N số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Căn cứ khoản 1, khoản 2 điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Ngọc D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 460.000 đồng (bốn trăm sáu mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện việc trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Cẩm Phả;
- TAND tỉnh Q/N;
- CA TP Cẩm Phả;
- CCTHADS TP Cẩm Phả;
- Ng- ời tham gia tố tụng;
- L- u HS- VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đào Thị Kim Dung